TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6 - 2024
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Đường Thanh Chánh
2. Ông Nguyễn Chí Hữu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Bùi Đinh Thị Huyền Đăng - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2024/TLST-HN ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Văn L, sinh năm 1955
Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1955
Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre
Ông L có đơn xin vắng mặt. bà L1 vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn L trình bày:

Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà L1. Ông và bà L1 do mai mối và tự nguyện tiến đế hôn nhân năm 1975, sau đó được cấp giấy đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã N năm 1996, sau kết hôn ông bà sống không hạnh phúc do bất đồng qua điểm sống, vợ ông hay chưởi ông nên đã ly thân 10 năm nay. Nay ông xin được ly hôn. Khi ly hôn ông không yêu cầu bà Lan cấp dưỡng cho ông, ông cũng không cấp dưỡng cho bà L1.

Con chung: Phan Thanh T sinh năm 1977; Phan Hồng Q sinh năm 1979; Phan Thanh B sinh năm 1981; Phan Hồng T2 sinh năm 1988; Phan Thanh D sinh năm

1992; Phan Thanh X sinh năm 1977 đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: không có.

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2024, biên bản hòa giải ngày 04/4/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Ông bà do tự quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân 1975, được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1996, sau kết hôn ông bà hạnh phúc hơn 40 năm, sau đó mất hạnh phúc do ông L bị té xe, hay nóng tính, hay uống rượu, đập đồ đạc trong nhà nên ông bà đã ly thân 06 năm nay, bà ở nhà riêng, sau đó ông có người phụ nữ khác, nay tôi không đồng ý ly hôn vì bà đã lớn tuổi, con chung không đồng ý cho bà ly hôn, sợ người khác chê cười.

Con chung: Phan Thanh T sinh năm 1977, Phan Hồng Q sinh năm 1979, Phan Thanh B sinh năm 1981, Phan Hồng T1 sinh năm 1988, Phan Thanh D sinh năm 1992, Phan Thanh X sinh năm 1977 đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Tài sản chung: không có

Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của mình vắng mặt trong những lần tòa mời.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn L. Ông Phan Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị L1; Con chung có 06 con chung tên Phan Thanh T sinh năm 1977, Phan Hồng Q sinh năm 1979, Phan Thanh B sinh năm 1981, Phan Hồng T1 sinh năm 1988, Phan Thanh D sinh năm 1992, Phan Thanh X sinh năm 1977 đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly *hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã N, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xác nhận bà Nguyễn Thị L1 hiện có đăng ký thường trú tại xã N, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Ông Phan Văn L có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L là phù hợp.

Bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L1 là phù hợp.

[3] *Về hôn nhân*: Ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị L1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1975, đăng ký kết hôn vào năm 1996, trên cơ sở quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 20/6/1996 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông L, ông L cho rằng sau kết hôn ông bà sống không hạnh phúc do bất đồng qua điểm sống, vợ ông hay chưởi ông nên đã ly thân 10 năm nay. Trong thời gian ly thân gia đình có hàn gắn tình cảm cho vợ chồng ông nhưng không thành. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với bà L1. Khi ly hôn ông không yêu cầu bà L1 cấp dưỡng cho ông, ông cũng không cấp dưỡng cho bà L1. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà L1. Bà L1 vắng mặt nhưng có lời trình bày sau kết hôn ông bà sống hạnh phúc hơn 40 năm sau đó mất hạnh phúc do ông L bị té xe, hay nóng tính, hay uống rượu, đập đồ đạc trong nhà nên ông bà đã ly thân 06 năm nay, bà ở nhà riêng, sau đó ông có người phụ nữ khác, nay bà không đồng ý ly hôn vì bà đã lớn tuổi, con chung không đồng ý cho bà ly hôn, sợ người khác chê cười. Xét thấy: ông L và bà L1 không thống nhất về thời gian vợ chồng ly thân nhưng cả hai đều xác định đã ly thân một thời gian dài nên có cơ sở vợ chồng ông bà đã có mâu thuẫn. Bà L1 không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông L có ông có người phụ nữ khác, nay bà không đồng ý ly hôn vì bà đã lớn tuổi, con chung không đồng ý cho bà ly hôn, sợ người khác chê cười. Bà L1 cho rằng ông L có người khác nhưng không có chứng cứ chứng minh và lý do bà không đồng ý ly

hôn không liên quan đến tình cảm vợ chồng. Bà L1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng vắng mặt không có lý do, chứng tỏ bà L1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông bà là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, thấy rằng mâu thuẫn giữa ông L và bà L1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai ông bà không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của ông L là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Ông L và bà L1 trình bày có 06 con chung tên Phan Thanh T sinh năm 1977, Phan Hồng Q sinh năm 1979, Phan Thanh B sinh năm 1981, Phan Hồng 1 sinh năm 1988, Phan Thanh D sinh năm 1992, Phan Thanh X sinh năm 1977 đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Ông L trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; bà L1 trình bày tài sản chung không có. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên trình bày không thống nhất phần tài sản chung nhưng không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[6] *Về nợ chung*: Ông L, bà L1 trình bày không có nên không xem xét.

[7] *Án phí ly hôn*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm tuy nhiên ông Lthuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí do thuộc diện người cao tuổi nên được miễn.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn L.

Ông Phan Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị L1.

2. *Về con chung*: Con chung tên Phan Thanh T sinh năm 1977; Phan Hồng Q sinh năm 1979; Phan Thanh B sinh năm 1981; Phan Hồng T1 sinh năm 1988; Phan Thanh D sinh năm 1992; Phan Thanh X sinh năm 1977 đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung*: Ông L, bà L1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Ông L, bà L1 trình bày không có nên không xem xét

5. *Án phí*: Ông Phan Văn L thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *TAND Bến Tre (01b);*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);*
- *UBND xã Nhuận Phú Tân (số 691 ngày 20/6/1996) (01b);*
- *Đương sự (02b);*
- *Lưu HS, VP (03b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên